

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

Tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Toàn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hồ Nghĩa Tín	Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Thảo Sương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2011
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 27 tháng 02 năm 2010 có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hoàng Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		199.652.093.999	145.839.838.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	40.880.080.203	46.224.743.717
1. Tiền	111		6.880.080.203	31.224.743.717
2. Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.567.310.831	49.632.921.601
1. Phải thu khách hàng	131		27.381.897.277	10.811.906.230
2. Trả trước cho người bán	132		39.573.015.055	39.214.096.140
3. Các khoản phải thu khác	135		257.853.099	67.958.231
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(645.454.600)	(461.039.000)
III. Hàng tồn kho	140	6	90.473.291.434	49.373.181.232
1. Hàng tồn kho	141		90.473.291.434	49.373.181.232
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.731.411.531	608.992.145
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.178.649.361	34.173.222
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		552.762.170	574.818.923
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		570.055.836.624	308.653.106.905
I. Tài sản cố định	220		566.796.195.184	305.557.356.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	184.671.782.438	207.337.600.984
- Nguyên giá	222		230.682.113.273	229.515.499.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.010.330.835)	(22.177.898.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	63.805.420.013	43.515.487.985
- Nguyên giá	228		63.830.173.180	43.526.820.152
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.753.167)	(11.332.167)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	318.318.992.733	54.704.267.360
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.600.000.000	1.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	1.600.000.000	1.600.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.659.641.440	1.495.750.576
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.659.641.440	1.495.750.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 =100+200)	270		769.707.930.623	454.492.945.600

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		431.581.979.169	276.490.203.824
I. Nợ ngắn hạn	310		256.908.275.734	139.739.925.271
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	207.295.328.898	91.438.057.318
2. Phải trả người bán	312		13.009.455.667	26.353.495.343
3. Người mua trả tiền trước	313		19.848.896.581	7.357.576.060
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.572.034.443	2.085.922.092
5. Phải trả người lao động	315		4.874.758.234	3.801.203.251
6. Chi phí phải trả	316		3.868.427.550	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		433.850.166	6.794.407.017
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.005.524.195	1.909.264.190
II. Nợ dài hạn	330		174.673.703.435	136.750.278.553
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	174.673.703.435	136.750.278.553
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		338.125.951.454	178.002.741.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	338.125.951.454	178.002.741.776
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.175.100.000	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(423.801.274)	(1.199.139.855)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.395.287.553	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.395.287.553	1.500.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84.584.077.622	27.701.881.631
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		769.707.930.623	454.492.945.600

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2010	31/12/2009
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ	VND	76.394.783.985	-
2. Ngoại tệ các loại	USD	13.125,83	1.466.834,92

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		749.446.207.080	642.013.469.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		845.040.000	12.506.702.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	748.601.167.080	629.506.767.636
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	620.139.939.192	519.583.255.236
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		128.461.227.888	109.923.512.400
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.360.109.517	730.914.579
7. Chi phí tài chính	22	17	24.806.036.761	19.748.905.973
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.621.028.462	12.987.233.108
8. Chi phí bán hàng	24		1.575.392.529	645.105.461
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.535.905.199	11.317.790.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		88.904.002.916	78.942.625.029
11. Thu nhập khác	31		3.111.531.402	2.249.974.412
12. Chi phí khác	32		2.162.797.911	2.147.359.916
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		948.733.491	102.614.496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)	50		89.852.736.407	79.045.239.525
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	179.965.310	812.259.573
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		89.672.771.097	78.232.979.952
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	5.478	5.216

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	89.852.736.407	79.045.239.525
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	23.845.853.273	21.921.037.784
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(369.808.887)	1.852.345.662
Chi phí lãi vay	06	17.621.028.462	12.987.233.108
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	130.949.809.255	115.805.856.079
(Tăng) các khoản phải thu	09	(16.955.974.594)	(21.646.877.525)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(43.491.130.596)	4.699.169.930
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.230.738.233)	(46.059.061.880)
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(1.286.310.250)	(1.404.292.222)
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.974.337.462)	(12.987.233.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(812.259.573)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.403.739.995)	(590.735.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.795.318.552	37.816.825.464
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(269.246.283.216)	(80.865.440.239)
2. Tiền chi cho vay	23	(56.587.148.233)	-
3. Tiền thu hồi cho vay	24	56.587.148.233	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.600.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	449.808.887	451.421.665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(268.796.474.329)	(82.014.018.574)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	87.175.100.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	697.164.234.520	584.344.510.749
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(542.682.842.257)	(451.061.785.408)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(15.000.000.000)	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	226.656.492.263	88.282.725.341
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.344.663.514)	44.085.532.231
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	46.224.743.717	2.139.211.486
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	40.880.080.203	46.224.743.717

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2011

Trần Mai Thị Bé Liễu
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý (gọi tắt là “Công ty”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203001911 ngày 27 tháng 02 năm 2008. Ngày 02 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với ngày giao dịch đầu tiên là ngày 11 tháng 5 năm 2010 và mã chứng khoán là DNY.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 618 (31 tháng 12 năm 2009 là 435).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại thép xây dựng; kinh doanh sắt thép; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp và gia công cơ khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31/12/2010, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt với số công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 57.256.181.735 đồng. Để đảm bảo khả năng liên tục hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản hợp lý với cơ cấu nguồn vốn phù hợp, bao gồm cả kế hoạch tiếp tục huy động vốn từ các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng tin tưởng rằng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 sẽ khả quan với việc hoàn thành và đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất mới đầu tư. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI VỀ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất: được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Phần mềm máy tính: bao gồm chi phí mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí thuê pano quảng cáo. Chi phí công cụ, dụng cụ được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí thuê pano quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 tăng 423.801.274 đồng (năm 2009: 1.199.139.855 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, năm 2010 Công ty tiếp tục được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong năm 2010, không có thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời trọng yếu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.461.060.736	1.731.831.686
Tiền gửi ngân hàng	4.419.019.467	29.492.912.031
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	15.000.000.000
	<u>40.880.080.203</u>	<u>46.224.743.717</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.813.428.304	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.567.787.348	33.986.933.325
Công cụ, dụng cụ	4.308.125.566	1.260.207.281
Thành phẩm	21.616.824.248	8.435.423.628
Hàng hóa	10.167.125.968	5.690.616.998
	<u>90.473.291.434</u>	<u>49.373.181.232</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11, toàn bộ thành phẩm luyện, thành phẩm cán, và nguyên liệu tại ngày 31/12/2010 đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	76.568.867.706	141.254.875.841	9.881.590.404	1.810.165.595	229.515.499.546
Mua sắm mới	-	143.363.636	892.945.546	39.850.000	1.076.159.182
Đầu tư từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	90.454.545	-	-	90.454.545
Tại ngày 31/12/2010	<u>76.568.867.706</u>	<u>141.488.694.022</u>	<u>10.774.535.950</u>	<u>1.850.015.595</u>	<u>230.682.113.273</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	4.209.094.865	16.566.527.111	1.037.570.198	364.706.388	22.177.898.562
Khấu hao trong năm	3.917.621.585	17.831.490.004	1.673.868.537	409.452.147	23.832.432.273
Tại ngày 31/12/2010	<u>8.126.716.450</u>	<u>34.398.017.115</u>	<u>2.711.438.735</u>	<u>774.158.535</u>	<u>46.010.330.835</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>68.442.151.256</u>	<u>107.090.676.907</u>	<u>8.063.097.215</u>	<u>1.075.857.060</u>	<u>184.671.782.438</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>72.359.772.841</u>	<u>124.688.348.730</u>	<u>8.844.020.206</u>	<u>1.445.459.207</u>	<u>207.337.600.984</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 13, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định là nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản cố định khác để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	43.459.715.152	67.105.000	43.526.820.152
Tăng trong năm	20.303.353.028	-	20.303.353.028
Tại ngày 31/12/2010	<u>63.763.068.180</u>	<u>67.105.000</u>	<u>63.830.173.180</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	11.332.167	11.332.167
Khấu hao trong năm	-	13.421.000	13.421.000
Tại ngày 31/12/2010	-	<u>24.753.167</u>	<u>24.753.167</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>63.763.068.180</u>	<u>42.351.833</u>	<u>63.805.420.013</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>43.459.715.152</u>	<u>55.772.833</u>	<u>43.515.487.985</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 và 13, Công ty đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A1, A2, A3, A4, A5, A6, A13, A14, A15, A16, A17, A18, C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7 tại khu Công nghiệp Thanh Vinh với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 38.785.448.295 đồng (quyền sử dụng đất không có thời hạn) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Xây dựng Lò trung tần số 5 - Nhà máy luyện 1	12.303.459.349	976.388.023
Xây dựng Nhà máy luyện 2	125.119.272.041	1.945.972.564
Xây dựng Nhà máy cán 2	179.481.563.024	50.750.909.744
Xây dựng cơ bản khác	1.414.698.319	1.030.997.029
	<u>318.318.992.733</u>	<u>54.704.267.360</u>

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm 2010 là 13.447.388.518 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã dùng các tài sản được hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết phản ánh khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với số tiền là 1.600.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 20% vốn chủ sở hữu của công ty này. Trong năm, Công ty nhận được thông báo chia cổ tức của năm 2009 từ Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng với giá trị là 160.000.000 đồng và đã được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính của năm 2010.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Liên Chiểu, Đà Nẵng (i)	146.762.987.734	76.332.217.318
- VND	133.616.909.846	46.900.000.000
- USD	13.146.077.888	29.432.217.318
Ngân hàng Công thương TP. Đà Nẵng (ii)	21.325.589.164	-
- VND	14.936.927.453	-
- USD	6.388.661.711	-
Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở Thuyết minh số 13)	39.206.752.000	15.105.840.000
	<u>207.295.328.898</u>	<u>91.438.057.318</u>

(i) Các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Liên Chiểu thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 42/2010/HĐTD ngày 09/4/2010. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 150 tỷ đồng và 10 triệu USD. Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 1%/tháng, lãi suất cho vay bằng USD là 7%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép và một số phương tiện vận tải và toàn bộ thành phẩm luyện, thành phẩm cán và nguyên liệu. Số dư của khoản vay tại thời điểm 31/12/2010 là 133.616.909.846 đồng và 694.384 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Báo cáo tài chính

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (ii) Các khoản vay Ngân hàng Công thương TP. Đà Nẵng thể hiện khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 10691005/HĐTĐ ngày 05/5/2010. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 40 tỷ đồng (hạn mức có thể chuyển đổi sang ngoại tệ theo tỷ giá tương ứng). Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay bằng VND là 14,7%/năm, lãi suất cho vay bằng USD là 6,5%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7, A1, A2, A17, A18. Số dư của khoản vay tại thời điểm 31/12/2010 là 14.936.927.453 đồng và 337.453,08 USD.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải trả	4.384.234.988	1.271.602.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp	179.965.310	812.259.573
Thuế xuất nhập khẩu	2.556.075	-
Thuế khác	5.278.070	2.060.388
	<u>4.572.034.443</u>	<u>2.085.922.092</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi (i)	11.177.289.840	45.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Liên Chiểu, Đà Nẵng (ii)	102.606.177.592	106.856.118.553
- VND	65.669.845.592	63.438.898.553
- USD	36.936.332.000	43.417.220.000
Khoản vay đồng tài trợ (iii)	100.096.988.003	-
	<u>213.880.455.435</u>	<u>151.856.118.553</u>

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi (bên liên quan của Công ty) là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 271209/HĐTĐ ngày 27/12/2009 với hạn mức là 45.000.000.000 đồng trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn tại cùng thời điểm. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo số dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Khoản vay không có đảm bảo.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu bao gồm:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 177/2006/HĐTĐ ngày 29/9/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sắt thép Thành Lợi 04 với Công ty TNHH Thép Thành Lợi (nay là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) với số tiền là 20 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng kể từ ngày 29/9/2006. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 1,1%/tháng. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, lãi suất được thay đổi hàng năm tại hai thời điểm là 30/6 và 31/12. Lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2010 là 8.100.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 178/2006/HĐTD ngày 29/9/2006 cho Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất sắt thép Thành Lợi 04 với Công ty TNHH Thép Thành Lợi (nay là Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty) với số tiền là 700.000 USD. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng kể từ ngày 29/9/2006. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 8,25%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, mức lãi suất cụ thể cho từng thời điểm nhận nợ được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng, lãi suất được thay đổi hàng năm tại hai thời điểm là 30/6 và 31/12. Lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị của nhà máy sản xuất sắt thép. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2010 là 120.000 USD.

Theo các Biên bản họp Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi (cổ đông sáng lập của Công ty), Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý và Thỏa thuận với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Liên Chiểu, từ tháng 4 năm 2008, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý có trách nhiệm và nghĩa vụ thừa kế toàn bộ số dư còn lại của các khoản vay nợ trung hạn vay nêu trên. Các tài sản hình thành từ khoản vay - Nhà máy sản xuất thép Thành Lợi số 04 (hiện là cơ sở sản xuất của Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý) cùng với giá trị quyền sử dụng đất tại các lô A3, A4, A5, A6, A13, A14, A15, A16 tiếp tục được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho Ngân hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 157/2009/HĐTD ngày 19/5/2009 cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý với số tiền là 100 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 19/9/2009. Lãi suất của khoản vay được xác định tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng là 0,875%/năm. Lãi suất được thay đổi theo từng thời điểm nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh hàng năm tại hai thời điểm là 30/6 và 31/12 theo quy định lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đà Nẵng. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2010 là 57.569.845.592 đồng và 1.831.000 USD.
- (iii) Ngày 17/8/2010, các Ngân hàng đồng tài trợ (bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP.Đà Nẵng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hải Châu, Ngân hàng Công thương TP. Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Đà Nẵng là Ngân hàng đầu mối) cùng ký kết hợp đồng tài trợ số 01/2010/NHTM-HĐTD để tài trợ vốn cho Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm giai đoạn 2 với Công ty Cổ phần Thép Dana-Ý với số tiền là 145 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 60 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên (ngày 16/9/2010). Lãi suất của khoản vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau (bình quân của các bên đồng tài trợ) + 4,5%/năm, nhưng không vượt quá lãi suất cho vay tối đa từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có) hoặc chỉ đạo của hội sở chính các bên tham gia đồng tài trợ. Lãi suất được điều chỉnh mỗi năm 4 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/12 hàng năm. Lãi được thanh toán vào ngày cuối cùng hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc và thiết bị của Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm và cam kết sử dụng nguồn khấu hao và lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh của dự án để ưu tiên trả nợ cho khoản vay. Số dư của khoản vay này tại thời điểm 31/12/2010 là 100.096.988.003 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)***Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	39.206.752.000	15.105.840.000
Trong năm thứ hai	74.829.209.840	11.329.380.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	99.844.493.595	125.420.898.553
	<u>213.880.455.435</u>	<u>151.856.118.553</u>
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	39.206.752.000	15.105.840.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>174.673.703.435</u>	<u>136.750.278.553</u>

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Thặng dư		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	Vốn điều lệ	Vốn cổ phần					
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	150.000.000.000	-	(556.234.096)	-	-	(1.531.098.321)	147.912.667.583
Tăng khác	-	-	556.234.096	-	-	-	556.234.096
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	78.232.979.952	78.232.979.952
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.500.000.000	(4.000.000.000)	(2.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(1.199.139.855)	-	-	-	(1.199.139.855)
Tại ngày 01/01/2010	150.000.000.000	-	(1.199.139.855)	-	1.500.000.000	27.701.881.631	178.002.741.776
Tăng vốn	50.000.000.000	39.114.000.000	-	-	-	-	89.114.000.000
Tăng khác	-	-	3.653.299.058	-	-	-	3.653.299.058
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	89.672.771.097	89.672.771.097
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2009	-	-	-	3.911.648.998	2.411.648.998	-	6.323.297.996
Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	4.483.638.555	4.483.638.555	(17.790.575.106)	(8.823.297.996)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Giảm khác	-	(1.938.900.000)	(2.877.960.477)	-	-	-	(4.816.860.477)
Tại ngày 31/12/2010	<u>200.000.000.000</u>	<u>37.175.100.000</u>	<u>(423.801.274)</u>	<u>8.395.287.553</u>	<u>8.395.287.553</u>	<u>84.584.077.622</u>	<u>338.125.951.454</u>

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 số 0400605391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2010, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 150 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng trong năm 2010, với số lượng phát hành thêm là 5 triệu cổ phần, trong đó, 3 triệu cổ phần dành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 và 2 triệu cổ phần phát hành cho các đối tác chiến lược.

Ngày 08/7/2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận số 605/UBCK-GCN chấp thuận việc chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty.

Kết thúc đợt phát hành tăng vốn, Công ty đã thu được tổng số tiền là 89.114.000.000 đồng và cũng đã chi 1.938.900.000 đồng là chi phí cho đợt phát hành. Theo đó, vốn tăng trong năm bao gồm 50.000.000.000 đồng là vốn điều lệ và 37.175.100.000 đồng là khoản thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b. Trích lập các quỹ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2010 về việc trích lập các quỹ, trong năm 2010, Công ty đã thực hiện trích lập bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm 2009 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 2.411.648.998 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 3.911.648.998 đồng

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 46/2011/BB-DNY ngày 10/01/2011, Công ty tạm thời trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 4.483.638.555 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.483.638.555 đồng

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2010, Công ty thông qua phương án chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 với tỷ lệ chi trả là 30% tương đương 45.000.000.000 đồng. Toàn bộ số cổ tức này đã được Công ty trả cho các cổ đông trong năm 2009.

Cũng theo Nghị quyết này, Công ty thông qua phương án phân chia cổ tức năm 2010 với tỷ lệ là 30%. Trong năm 2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ là 10% tương đương 15.000.000.000 đồng.

d. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>20.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu	749.446.207.080	642.013.469.636
+ <i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>747.446.096.020</i>	<i>641.925.604.252</i>
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.000.111.060</i>	<i>87.865.384</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	845.040.000	12.506.702.000
+ <i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>845.040.000</i>	<i>12.506.702.000</i>
Doanh thu thuần	<u>748.601.167.080</u>	<u>629.506.767.636</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn hàng bán	618.513.900.942	519.583.255.236
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.626.038.250	-
	<u>620.139.939.192</u>	<u>519.583.255.236</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý

Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	17.621.028.462	12.987.233.108
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.783.992.750	6.726.362.169
Chi phí hoạt động tài chính khác	401.015.549	35.310.696
	24.806.036.761	19.748.905.973

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	89.852.736.407	79.045.239.525
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	160.000.000	1.408.340.302
<i>Cổ tức được thông báo từ công ty liên kết</i>	<i>160.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Chuyển lỗ năm trước</i>	<i>-</i>	<i>1.408.340.302</i>
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	308.439.861	359.107.359
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>308.439.861</i>	<i>359.107.359</i>
Thu nhập chịu thuế	90.001.176.268	77.996.006.582
Thu nhập từ hoạt động chính được ưu đãi	89.281.315.028	74.746.968.291
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	719.861.240	3.249.038.291
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.500.294.067	19.499.001.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	22.320.328.757	18.686.742.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	179.965.310	812.259.573

(*) Đối với hoạt động chính là sản xuất các loại thép xây dựng, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000074 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 12 năm 2008, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% cho hai năm tiếp theo. Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất ưu đãi, do đó, năm 2010 Công ty tiếp tục được miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	89.672.771.097	78.232.979.952
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.369.863	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.478	5.216

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - ÝĐường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, quận Liên Chiểu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	119.610.539.483	295.590.875.682
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	1.226.090.667	4.431.941.143
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	59.160.034.436	8.325.264.788
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	25.348.878.600	37.860.060.100
Công ty Cổ phần Quảng cáo Sáng tạo Việt	1.088.594.831	772.336.000
Bán hàng hóa		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	73.264.555.195	20.201.427.744
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	480.805.505
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	22.399.692.769	15.044.297.913
Nhận vốn góp		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	17.420.000.000	-
Trả gốc vay trong năm		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	75.682.710.160	-
Lãi vay phát sinh trong năm		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	1.058.408.408	-
Số dư với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	13.325.186.820	114.726.780
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	180.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	11.101.691.305	-
Ứng trước cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	23.543.727.360	26.706.284.865
Phải trả thương mại		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	306.145.413	1.958.221.331
Vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	11.177.289.840	45.000.000.000
Vay vốn lưu động phải trả bà Phan Thị Thảo Sương	-	6.110.000.000
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	80.000.000	-
Hàng nhận giữ hộ		
Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi	18.081.025.000	-
	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.145.936.656	963.606.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÁC KHOẢN CAM KẾT*****Dự án Đầu tư Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm***

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 ngày 26/4/2010 đã phê duyệt thay đổi và bổ sung Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy cán thép công suất 200.000 tấn/năm thành Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm để sản xuất thép xây dựng D6-D32, tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 450 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là nguồn vốn vay dài hạn. Công ty đã ký các hợp đồng để thực hiện Dự án này với tổng trị giá là khoảng 390 tỷ đồng, với số tiền còn phải thanh toán tại ngày 31/12/2010 là khoảng 55 tỷ đồng.

22. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 46/2011/BB-DNY ngày 10/01/2011, Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2010 với tỷ lệ là 30% và tạm thời trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 4.483.638.555 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 4.483.638.555 đồng

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Hồ Nghĩa Tín
Tổng Giám đốc*Ngày 24 tháng 3 năm 2011*

Trần Mai Thị Bé Liệu
Kế toán trưởng